

GIÁO ÁN NGỮ VĂN LỚP 12

NHÂN VẬT GIAO TIẾP

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

Giúp Học sinh:

1. Kiến thức: Nắm chắc khái niệm nhân vật giao tiếp với những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân sơ của họ đối với nhau, cùng những đặc điểm khác chi phối nội dung và hình thức lời nói của các nhân vật trong hoạt động giao tiếp.

2. Kỹ năng: Nâng cao năng lực giao tiếp của bản thân và có thể xác định được chiến lược giao tiếp trong những ngữ cảnh giao tiếp nhất định.

3. Thái độ: Học đi đôi với hành, lí thuyết kết hợp với thực tế, không ngừng nâng cao kỹ năng giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc SGK, SGV, TLTK, soạn giáo án.
- Phương án tổ chức lớp học, nhóm học: phát vấn, đàm thoại với cá nhân, tập thể, thảo luận nhóm,...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc SGK, TLTK để củng cố kiến thức cũ và chuẩn bị bài học theo HDHB.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tình hình lớp (1phút): Ổn định trật tự, điểm danh học sinh trong lớp.

2. Kiểm tra bài cũ (4ph): Tóm tắt truyện Vợ chồng A Phủ và nêu giá trị nhân đạo của truyện.

3. Giảng bài mới: (83 phút)

- Tạo tâm thế tiếp thu bài mới.

- Giới thiệu bài:

TIẾN TRÌNH TIẾT DẠY

Thời lượng	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH	NỘI DUNG
30p h	Hoạt động 1: Phân tích các ngữ liệu 1. Gọi 1 HS đọc ngữ liệu 1 (SGK) và nêu các yêu cầu sau (với HS cả lớp): a) Hoạt động giao tiếp trên có những nhân	- HS đọc ngữ liệu - HS thảo luận và phát biểu tự do.	I. Phân tích các ngữ liệu 1. Ngữ liệu 1 a) Hoạt động giao tiếp trên có những nhân vật giao tiếp là: Tràng, mấy cô gái và "thị". Những nhân vật đó có đặc điểm: - Về lứa tuổi: Họ đều là những người trẻ tuổi. - Về giới tính: Tràng là nam,

vật giao tiếp nào? Những nhân vật đó có đặc điểm như thế nào về lứa tuổi, giới tính, tầng lớp xã hội? b) Các nhân vật giao tiếp chuyển đổi vai người nói, vai người nghe và luân phiên lượt lời ra sao? Lượt lời đầu tiên của "thị" hướng tới ai? c) Các nhân vật giao tiếp trên có bình đẳng về vị thế xã hội không? d) Các nhân vật giao tiếp trên	còn lại là nữ. - Về tầng lớp xã hội: Họ đều là những người dân lao động nghèo đói. b) Các nhân vật giao tiếp chuyển đổi vai người nói, vai người nghe và luân phiên lượt lời như sau: - Lúc đầu: Hấn (Tràng) là người nói, mấy cô gái là người nghe. - Tiếp theo: Mấy cô gái là người nói, Tràng và "thị" là người nghe. - Tiếp theo: "Thị" là người nói, Tràng (là chủ yếu) và mấy cô gái là người nghe. - Tiếp theo: Tràng là người nói, "thị" là người nghe. - Cuối cùng: "Thị" là người nói, Tràng là người nghe. Lượt lời đầu tiên của "thị" hướng tới Tràng.
--	---

	có quan hệ xa lạ hay thân tình khi bắt đầu cuộc giao tiếp? e) Những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân-sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,... chi phối lời nói của các nhân vật như thế nào? - GV nhận xét, khẳng định những ý kiến đúng và điều chỉnh những ý kiến sai.		c) Các nhân vật giao tiếp trên bình đẳng về vị thế xã hội (họ đều là những người dân lao động cùng cảnh ngộ). d) Khi bắt đầu cuộc giao tiếp, các nhân vật giao tiếp trên có quan hệ hoàn toàn xa lạ. e) Những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân-sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,... chi phối lời nói của các nhân vật khi giao tiếp. Ban đầu chưa quen nên chỉ là trêu đùa thăm dò. Dần dần, khi đã quen họ mạnh dạn hơn. Vì cùng lứa tuổi, bình đẳng về vị thế xã hội, lại cùng cảnh ngộ nên các nhân vật giao tiếp tỏ ra rất suồng sã.
	2. - GV hướng dẫn, gợi ý và tổ		2. Ngữ liệu 2 a) Các nhân vật giao tiếp

	chức HS tìm hiểu ngữ liệu 2. - Yêu cầu HS đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi - GV nhận xét, khẳng định những ý kiến đúng và điều chỉnh những ý kiến sai.	- Đọc đoạn trích và trả lời những câu hỏi (SGK). - HS thảo luận và phát biểu tự do.	trong đoạn văn: Bá Kiến, mấy bà vợ Bá Kiến, dân làng và Chí Phèo. Bá Kiến nói với một người nghe trong trường hợp quay sang nói với Chí Phèo. Còn lại, khi nói với mấy bà vợ, với dân làng, với Lí Cường, Bá Kiến nói cho nhiều người nghe (trong đó có cả Chí Phèo). b) Vị thế xã hội của Bá Kiến với từng người nghe: + Với mấy bà vợ- Bá Kiến là chồng (chủ gia đình) nên "quát". + Với dân làng- Bá Kiến là "cụ lớn", thuộc tầng lớp trên, lời nói có vẻ tôn trọng (các ông, các bà) nhưng thực chất là đui (về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại thế này?). + Với Chí Phèo- Bá Kiến vừa
--	--	---	--

			là ông chủ cũ, vừa là kẻ đã đẩy Chí Phèo vào tù, kẻ mà lúc này Chí Phèo đến "ăn vạ". Bá Kiến vừa thăm dò, vừa dỗ dành vừa có vẻ đề cao, coi trọng. + Với Lí Cường- Bá Kiến là cha, cụ quát con nhưng thực chất cũng là để xoa dịu Chí Phèo. c) Đối với Chí Phèo, Bá Kiến thực hiện nhiều chiến lược giao tiếp: + Đuổi mọi người về để cô lập Chí Phèo. + Dùng lời nói ngọt nhạt để vuốt ve, mơn trớn Chí. + Nâng vị thế Chí Phèo lên ngang hàng với mình để xoa dịu Chí. d) Với chiến lược giao tiếp như trên, Bá Kiến đã đạt được mục đích và hiệu quả
--	--	--	--

			giao tiếp. Những người nghe trong cuộc hội thoại với Bá Kiến đều răm rắp nghe theo lời Bá Kiến. Đến như Chí Phèo, hung hãn là thế mà cuối cùng cũng bị khuất phục.
10 ph	Hoạt động 2: Tổ chức rút ra nhận xét - GV nêu câu hỏi và gợi ý: Từ việc tìm hiểu các ngữ liệu trên, anh (chị) rút ra những nhận xét gì về nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp? - HS thảo luận và trả lời. - GV nhận xét và tóm tắt		II. Nhận xét về nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp. 1. Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp xuất hiện trong vai người nói hoặc người nghe. Dạng nói, các nhân vật giao tiếp thường đối vai luân phiên lượt lời với nhau. Vai người nghe có thể gồm nhiều người, có trường hợp người nghe không hồi đáp lời người nói. 2. Quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp cùng với những đặc điểm khác biệt

	những nội dung cơ bản.		(tuổi, giới, nghề,vốn sống, văn hóa, môi trường xã hội,...) chi phối lời nói (nội dung và hình thức ngôn ngữ). 3. Trong giao tiếp, các nhân vật giao tiếp tùy ngữ cảnh mà lựa chọn chiến lược giao tiếp phù hợp để đạt mục đích và hiệu quả.
35p h	Hoạt động 3: Luyện tập Bài tập 1: Phân tích sự chi phối của vị thế xã hội ở các nhân vật đối với lời nói của họ trong đoạn trích (mục 1- SGK). - Yêu cầu HS đọc đoạn trích và thảo luận,trả	 	

	lời - GV gợi ý, hướng dẫn phân tích. - GV nhận xét, nhấn mạnh những điểm cơ bản.		<table><tr><td>Lời nói</td><td>Van xin, nhún nhường (gọi ông, lạy...)</td><td>Hách dịch, quát nạt (xưng hô mày tao, quát, câu lệnh...)</td></tr></table>	Lời nói	Van xin, nhún nhường (gọi ông, lạy...)	Hách dịch, quát nạt (xưng hô mày tao, quát, câu lệnh...)
Lời nói	Van xin, nhún nhường (gọi ông, lạy...)	Hách dịch, quát nạt (xưng hô mày tao, quát, câu lệnh...)				
	Bài tập 2: Phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm về vị thế xã hội, nghề nghiệp, giới tính, văn hóa,... của các nhân vật giao tiếp với đặc điểm trong lời nói của từng người ở đoạn trích (mục 2-SGK). - Yêu cầu HS	- HS đọc đoạn trích.	Bài tập 2: Đoạn trích gồm các nhân vật giao tiếp: - Viên đội sắp Tây. - Đám đông. - Quan Toàn quyền Pháp. Mối quan hệ giữa đặc điểm về vị thế xã hội, nghề nghiệp, giới tính, văn hóa,... của các nhân vật giao tiếp với đặc điểm trong lời nói của từng người: - Chú bé: trẻ con nên chú ý đến cái mũ, lời nói rất ngộ			

	đọc đoạn trích. - GV gợi ý, hướng dẫn phân tích. - GV nhận xét, nhấn mạnh những điểm cơ bản.	- HS thảo luận, trình bày.	ngĩnh. - Chị con gái: phụ nữ nên chú ý đến cách ăn mặc (cái áo dài), khen với vẻ thích thú. - Anh sinh viên: đang học nên chú ý đến việc diễn thuyết, nói như một dự đoán chắc chắn. - Bác cu li xe: chú ý đôi ủng. - Nhà nho: dân lao động nên chú ý đến tương mạo, nói bằng một câu thành ngữ thâm nho. Kết hợp với ngôn ngữ là những cử chỉ điệu bộ, cách nói. Điểm chung là châm biếm, mỉa mai.
	Bài tập 3: - Yêu cầu HS đọc đoạn trích. - Gợi ý, hướng dẫn phân tích	- Đọc đoạn trích.	Bài tập 3: a) Quan hệ giữa bà lão hàng xóm và chị Dậu là quan hệ hàng xóm láng giềng thân tình.

	(phân tích theo những yêu cầu: a) Quan hệ giữa bà lão hàng xóm và chị Dậu. Điều đó chi phối lời nói và cách nói của hai người ra sao? b) Phân tích sự tương tác về hành động nói giữa lượt lời của hai nhân vật giao tiếp. c) Nhận xét về nét văn hóa đáng trân trọng qua lời nói, cách nói của các nhân vật.) - Nhận xét, nhấn mạnh những điểm cơ	- Thảo luận, trình bày.	Điều đó chi phối lời nói và cách nói của hai người- thân mật: + Bà lão: bác trai, anh ấy,... + Chị Dậu: cảm ơn, nhà cháu, cụ,... b) Sự tương tác về hành động nói giữa lượt lời của hai nhân vật giao tiếp: Hai nhân vật đổi vai luân phiên nhau. c) Nét văn hóa đáng trân trọng qua lời nói, cách nói của các nhân vật: tình làng nghĩa xóm, tối lửa tắt đèn có nhau.
--	---	--------------------------------	---

	<i>bản.</i>		
8 ph	Hoạt động 4: Củng cố lí thuyết GV củng cố lí thuyết và giao việc cho HS.		IV. Củng cố lí thuyết Cần nắm vững những nội dung sau: 1. Vai trò của nhân vật giao tiếp. 2. Quan hệ xã hội và những đặc điểm của nhân vật giao tiếp chi phối lời nói. 3. Chiến lược giao tiếp phù hợp.

4. Dặn dò học sinh chuẩn bị cho tiết học tiếp theo: 2 phút

- Nhận xét chung tiết học.
- Soạn bài cho tiết sau: Đọc văn *Vợ nhặt*.